

Bản án số: 477/2018/DS-ST

Ngày: 27/9/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hữu Long

2/ Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Trong ngày 27/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLST-DS ngày 09/3/2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 547/QĐDS-ST ngày 20/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 591/QĐST - DS ngày 10/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Trường T, giấy ủy quyền ngày 28/12/2017 (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Trường T trình bày Vào ngày 22/6/2008 Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Vũ Văn L có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng có thời hạn sử dụng là 03 năm, số thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-6093 với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng. Đến ngày 23/5/2011, ông L tiếp tục ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và được Ngân hàng cấp thêm thẻ Visa Citimart 436361-3917 với hạn mức 22.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thực hiện hợp đồng ông L đã giao dịch (rút tiền và mua hàng hóa) tổng số tiền 176.613.554 đồng và đã thanh

toán tổng cộng số tiền 180.829.795 đồng. Từ ngày 25/3/2014 đến nay ông L không thanh toán cho ngân hàng, mặc dù phía Ngân hàng đã nhắc nhở ông L nhiều lần nhưng ông L không trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả nợ tạm tính đến ngày 27/9/2018 với tổng số tiền là 87.770.075 đồng (bao gồm tiền gốc là 32.648.120 đồng, tiền lãi quá hạn là 55.121.955 đồng).

Bị đơn ông Vũ Văn L từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 4 đã tiến hành triệu tập ông L đến Tòa để giải quyết việc kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A nhưng ông L không đến, sau khi tiến hành xác minh, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng ông L vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa nên mở phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án. Về mặt tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Quận 4 và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn ông Vũ Văn L có địa chỉ địa chỉ cuối cùng tại Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng thương mại cổ phần A là một bên trong hợp đồng có đơn khởi kiện, nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận 4, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện đền ngày 28/12/2017 và chứng cứ kèm theo của Ngân hàng, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Ngân hàng ủy quyền cho ông Phạm Trường T tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền ngày 28/12/2017 là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Vũ Văn L sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để trình bày lời khai, hòa giải, đối chất và lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do ông L vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Vũ Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký kết ngày 22/6/2008 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/5/2011 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Vũ Văn L có cơ sở để xác nhận giữa nguyên đơn và ông L đã phát sinh quan hệ giao dịch vay tài sản. Sau khi được Ngân hàng cấp số thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-6093 và thẻ Visa Citimart 436361-3917 ông L đã thực hiện nhiều lần rút tiền mặt với số tiền 19.528.000 đồng. Đồng thời, ông L cũng giao dịch thanh toán qua thẻ tín dụng nói trên cho Ngân hàng với tổng số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 25/9/2011. Từ ngày 25/9/2011 cho đến nay ông L không thanh toán tiếp số tiền còn lại cho Ngân hàng, đây chính là nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp giữa Ngân hàng đối với ông L. Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông L phải thanh toán là 87.770.075 đồng (bao gồm tiền gốc là 32.648.120 đồng, tiền lãi quá hạn là 55.121.955 đồng).

Về khoản tiền nợ gốc: Xét trong thời hạn vay kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông L sử dụng thẻ tín dụng để giao dịch rút tiền mặt với số tiền là 176.613.554 đồng và mới chỉ thanh toán quá hạn cho Ngân hàng tổng số tiền là 180.829.795 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng được các bên xác lập vào ngày 22/6/2008 và ngày 23/5/2011. Sau khi trừ các khoản phí và lãi quá hạn, Ngân hàng yêu cầu ông L phải thanh toán số nợ gốc và lãi quá hạn của hai Hợp đồng là 32.648.120 đồng (Trong đó Hợp đồng số 436361-3917 là 12.269.215 đồng và Hợp đồng số 472074-6093 là 20.378.905 đồng).

Về khoản tiền lãi và phí: Xét Ngân hàng yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền lãi và phí là 55.121.955 đồng cho cả hai Hợp đồng (Trong đó, Hợp đồng số 436361-3917 là 20.508.895 đồng và Hợp đồng số 472074-6093 là 34.613.060 đồng) là phù hợp với quy định về mức lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 4.388.503 đồng, ông Vũ Văn L phải chịu;

Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 465 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Vũ Văn L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 87.770.075 đồng (bao gồm tiền gốc là 32.648.120 đồng, tiền lãi quá hạn là 55.121.955 đồng), thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Văn L phải chịu 4.388.503 đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi tám nghìn năm trăm lẻ ba đồng);

- Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.931.000 đồng, theo biên lai thu số số 0008637 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.4; (1)
- CC.THADS Q. 4; (1)
- Hai bên đ/sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ, Vp. (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Thắng